

Số: 109/2025/QĐST-HNGĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Ông Trần Công Anh T, sinh ngày 25/9/1976; CCCD 075076008359, ngày cấp 05/7/2023, nơi cấp: CCSQLHCVTTXH;

Địa chỉ: A P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lại Thị Thu N, sinh ngày 13/10/1973; CCCD 07917521552, ngày cấp 10/5/2021; nơi cấp: CCSQLHCVTTXH;

Địa chỉ: A P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 244/2003, quyền số 2/P11 ngày 31/10/2003 của Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ là Phường A, quận T) thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Công Anh T và bà Lại Thị Thu N là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công Anh T và bà Lại Thị Thu N cùng trình bày: Ông bà tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ là Phường A, quận T) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 244/2003, quyền số 2/P11 ngày 31/10/2003.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến khoản thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Nay ông bà nhận thấy không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hoàng N1, sinh năm 2006 và Trần Hoàng B, sinh ngày 22/02/2008. Hai bên thỏa thuận giao con chung Hoàng B cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung H đã thành niên không yêu cầu tòa giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Công Anh T và bà Lại Thị Thu N cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công Anh T và bà Lại Thị Thu N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hoàng N1, sinh năm 2006 và Trần Hoàng B, sinh ngày 22/02/2008. Ly hôn, bà Thu N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng B, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Anh T do bà Thu N không yêu cầu. Con chung H đã thành niên không yêu cầu tòa giải quyết.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Trần Công Anh T và bà Lại Thị Thu N chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005057 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND khu vực 4;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- UBND Phường Bảy Hiền, TPHCM;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Sâm